

Bản án số: 129/2024/HNGĐ-ST

Ngày 02/5/2024

V/v: Ly hôn; tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 557/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Người được nguyên đơn uỷ quyền giao nhận văn bản: Anh Đoàn Hồng H, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà A, đường T, khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1987; địa chỉ đăng ký thường trú: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương; hiện đang lao động tại Đài Loan.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy uỷ quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện C (nay là phường V, thành phố C) vào ngày 30/3/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh P ở khu dân cư K, phường V, thành phố C. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống và hướng phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng đã cố gắng hoà giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Năm 2014 chị A, anh P cùng đi Đài Loan lao động nhưng làm việc ở công ty X nên chỉ thỉnh thoảng vợ chồng mới gặp nhưng mỗi lần đều xảy ra tranh cãi. Năm 2017 chị A về Việt Nam chăm sóc con cái còn anh P ở Đài Loan đến nay chưa về. Sau nhiều năm sống ly thân, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mâu thuẫn trầm trọng nên chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tuấn A1, sinh ngày 12/10/2009 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 27/4/2018, hiện đang ở với chị A. Khi ly hôn chị A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành, tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị A đề nghị giải quyết vắng mặt và uỷ quyền cho anh Đoàn Hồng H giao nhận văn bản với Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Đoàn Hồng H trình bày: Anh đồng ý nhận uỷ quyền của chị A, thay chị A giao nhận văn bản với Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh P, chị A là vợ anh P và là con dâu ông bà. Anh P và chị C1 kết hôn trên tinh thần tự nguyện, sau khi kết hôn thì chung sống cùng ông bà ở khu dân cư K, phường V, thành phố C. Quá trình chung sống ông bà không thấy vợ chồng có mâu thuẫn gì. Sau đó vợ chồng đi Đài Loan lao động khoảng 6 – 7 năm thì chị A về Việt Nam còn anh P tiếp tục ở Đài Loan làm việc và gửi tiền về cho chị A chăm sóc gia đình. Thời gian này ông bà cũng nghe nói vợ chồng anh P có mâu thuẫn nhưng cụ thể là gì thì không rõ, ông bà chỉ thấy anh P gọi điện thoại về thì chị A không nghe. Khoảng đầu năm 2024 chị A về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, ông bà đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh P ở Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án, tuy nhiên bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh P nên đồng ý nhận các văn bản của Tòa án để thông báo cho anh P. Quan điểm của anh P là nếu chị A kiên quyết ly hôn thì anh P đồng ý. Về con chung, anh P và chị A có 02 con chung là Nguyễn Tuấn A1, sinh ngày 12/10/2009 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 27/4/2018, hiện đang ở với chị A. Khi ly hôn anh P có quan điểm theo nguyện vọng của các con

và cho hai con được ở cùng nhau. Về tài sản chung và nợ chung thì anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Công văn số 34326/QLXNC-P3 ngày 20/12/2023, Cục Q – Bộ C2 cung cấp: Anh Nguyễn Văn P xuất cảnh lần gần nhất ngày 17/6/2014, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho chị Nguyễn Thị A ly hôn anh Nguyễn Văn P; giao con chung Nguyễn Tuấn A1, sinh ngày 12/10/2009 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 27/4/2018 cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; anh P và chị A tự thỏa thuận việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị A đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh P. Chị A, anh P đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng anh P hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt, có đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh P tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, chị A cho rằng do bất đồng về quan điểm sống và hướng phát triển kinh tế gia đình. Khi vợ chồng đi lao động ở Đài Loan thì không ở cùng nhau, ít khi gặp nhau và mỗi lần gặp nhau đều xảy ra tranh cãi. Năm 2017 chị A về Việt Nam, anh P ở Đài Loan, vợ chồng ít khi liên lạc với nhau. Xét thấy chị A và anh P đã ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được, chị A xin ly hôn thì anh P đồng ý. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, cần chấp nhận cho chị A được ly hôn anh P.

[3] Về quan hệ con chung: Chị A và anh P có 02 con chung là Nguyễn Tuấn A1, sinh ngày 12/10/2009 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 27/4/2018, hiện đang ở với chị A. Chị A đề nghị được nuôi dưỡng con chung, con chung có nguyện vọng ở với mẹ. Anh P đề nghị giao con theo nguyện vọng của các con và cho hai con được sống với nhau. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, căn cứ quan điểm của các bên, nguyện vọng của con chung và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, cần giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Việc chị A không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh P đều không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị A là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 2 Điều 478, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 12/10/2009 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 27/4/2018 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị A không yêu cầu anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, trừ 300.000đ tiền tạm ứng anh H đã nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 06/12/2023 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0000349; chị A đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Văn An, Chí Linh, HD;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, Toà.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Bằng